TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng
Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn Q, sinh năm 1991 (Có mặt);
Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1990 (Vắng mặt);
Cùng cư trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Võ Văn Q trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Võ Văn Q và chị Lê Thị N kết hôn ngày 12/8/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Thời gian gần đây, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù đã được đôi bên gia đình hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị N đã bỏ nhà đi từ tháng 5 năm 2024 nên vợ chồng đã sống ly thân từ thời điểm này. Hiện nay vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với chị N nên anh Q yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Võ Tuấn Anh, sinh ngày 15/5/2017 và Võ Tuấn Em, sinh ngày 09/02/2019, hiện nay do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị N: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng chị N không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N về các nội dung khởi kiện của anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Anh Võ Văn Q và chị Lê Thị N xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh Q xác định, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù đã được đôi bên gia đình hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024, không có thiện chí hàn gắn trở lại. Do không còn tình cảm với chị N nên anh Q kiên quyết xin ly hôn.

Về phía chị N, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng chị N không có mặt, điều này cho thấy chị N không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với anh Q.

Do anh Q và chị N đã sống ly thân; vợ chồng không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định anh Q và chị N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Q, cho anh Q và chị N ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Võ Tuấn Anh, sinh ngày 15/5/2017 và Võ Tuấn Em, sinh ngày 09/02/2019, hiện nay do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con.

Xét thấy, từ khi anh Q và chị N ly thân, các cháu Tuấn Anh và Tuấn Em do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng nên các cháu đã có sự gắn bó, thân thiết với cha; chị N không có ý kiến gì đối với việc trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Tuấn Anh và Tuấn Em của anh Q; nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục các cháu Tuấn Anh và Tuấn Em. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của

các cháu Tuấn Anh và Tuấn Em, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Q, giao các cháu Tuấn Anh và Tuấn Em cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q xác định có đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu Tuấn Anh và Tuấn Em, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con nên chị N không phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung: Anh Q xác định sẽ tự thoả thuận với chị N về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị N về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Anh Q xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị N về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 4, 6 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Văn Q.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Võ Văn Q và chị Lê Thị N.

- Về con chung: Giao cháu Võ Tuấn Anh, sinh ngày 15/5/2017 và cháu Võ Tuấn Em, sinh ngày 09/02/2019 cho anh Võ Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con mà không ai được cản trở; chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với anh Q; chị N không phải cấp dưỡng cho các con.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Anh Võ Văn Q phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 02/8/2024 anh Q đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005423 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Võ Văn Q có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Lê Thị N có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Hà